

Số: 54/2020/QĐST- HNGĐ

Kim Động, ngày 25 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 45/2020/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 5 năm 2020 giữa:

1/ Nguyên đơn: Anh Lê Đức A - sinh năm 1987.

Nguyên quán: Thôn Gi, xã NL, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

Nơi đăng ký HKTT: Thôn DP, xã CN, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

2/ Bị đơn: Chị Đỗ Thị Tr - sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Thôn DP, xã CN, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên.

3/ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Cháu Lê Minh Đ; sinh ngày 19/9/2009 và cháu Lê Phương V; sinh ngày 20/6/2012.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Lê Minh Đ và cháu Lê Phương V: Anh Lê Đức A và chị Đỗ Thị Tr.

- Căn cứ vào Điều 147, 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Căn cứ vào Điều 51, 55, 81,82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 17 tháng 6 năm 2020.

XÉT THẤY:

Vệc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 17 tháng 06 năm 2020 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lê Đức A và chị Đỗ Thị Tr.

II. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1. Về quan hệ vợ chồng: Anh Lê Đức A và chị Đỗ Thị Tr đều nhất trí

thuận tình ly hôn.

2. Về con chung: Anh Đức A và chị Tr xác định vợ chồng có 02 con chung là cháu Lê Minh Đ; sinh ngày 19/8/2009 và cháu Lê Phương V; sinh ngày 20/6/2012. Hiện cả hai cháu đang ở cùng chị Tr. Anh Đức A và chị Tr thống nhất và thỏa thuận giao cho chị Tr được tiếp tục trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng cháu Đ và cháu V đến khi thành niên, đủ 18 tuổi. Anh Đức A tự nguyện đóng góp cấp dưỡng nuôi con cho chị Tr mỗi cháu là 1.000.000 đồng/tháng. Tổng số tiền cấp dưỡng cho 02 cháu là 2.000.000 đồng/tháng tính từ tháng 6 năm 2020 cho đến khi cháu Đức và cháu V thành niên, đủ 18 tuổi. Anh Đức A được quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, nếu người phải thi hành án không thi hành thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tại thời điểm thanh toán, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về tài sản chung; Công sức; Công nợ; Ruộng canh tác: Anh Đức A và chị Tr tự nguyện không đề nghị Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Anh Đức A và chị Tr thống nhất để anh Đức A tự nguyện chịu cả 150.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm và 150.000 đồng án phí cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng số tiền án phí anh Đức A phải chịu là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Anh Đức A đã nộp đủ án phí theo biên lai thu số 0001770 ngày 04 tháng 5 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Kim Động.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thực hiện theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7, 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV và THA - TAND tỉnh;
- VKSND + THA huyện;
- UBND xã NL (Giấy CNKH số 17/2008);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hương

